TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hòa Nhẫn;

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến C.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến C tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp Xóm M, xã Phước T, huyện Gò G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có mặt, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh. Sau đó, chị sống và làm dâu

cho gia đình bên chồng, Cộc sống hôn nhân hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, anh C nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm và chị cố gắng chịu đựng vì thương con. Đến tháng 05 năm 2018 anh C nghe lời mẹ ruột xua đuổi, mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu C được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có một người con tên Nguyễn H Anh, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2015, hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị T yêu C được nuôi cháu Anh và không yêu C anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu C giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 của bị đơn - anh Nguyễn Văn C trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân, như anh chị T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do anh bệnh tai biến, có dùng những lời lẽ xúc phạm chị T, nên tình cảm vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không có biện pháp hàn gắng tình cảm lại được, chị T về nhà cha mẹ ruột và ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn nên anh cũng chấp nhận ly hôn với chị T và có đơn yêu C Tòa án H giải, xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung, hiện đang sống với chị T từ khi ly thân đến nay, như chị T trình bài. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu C giải quyết.

- Về nợ chung: Anh C trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến C phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không vi phạm về tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu C khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T đối với anh Nguyễn Văn C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H Anh cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu C nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu C nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Chị T và anh C trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có địa chỉ: ấp Long H, xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến C theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa ra xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long T, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 12 năm 2015, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 05 năm 2018 tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Qua lời trình bày của chị T tại phiên tòa, cũng như biên bản lấy lời khai của anh C phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu C ly hôn, anh C cũng đồng ý. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu C khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh C là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có một người con tên Nguyễn H Anh, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2015.

Khi ly hôn chị T yêu C được nuôi cháu Anh, lời khai anh C thống nhất giao cháu Anh cho chị T nuôi dưỡng để tiện chăm sóc và sau nầy cháu được đi học.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị T và anh C đã thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, bởi vì cháu Anh còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo nhu C về vật chất, tinh thần, tâm sinh lý đứa trẻ và quyền lợi của con chung nên giao cháu Anh cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp theo qui định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không có yêu C, dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho chị T nghe nhưng chị vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó, ghi nhận chị T không yêu C anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu C, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh C trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến C tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu C khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim T. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn H Anh, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2015 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục . Ghi nhận chị T không yêu C anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu C, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh C trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0021800 ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn C không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu C thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh C có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến C;
- C.c THADS huyện Bến C;
- UBND xã Long T;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG MAI